TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HS-ST
Ngày: 11 – 6 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Cán bộ hưu trí

Ông Bùi Tấn Đạt – Chuyên viên Phòng Giáo dục thành phố Thủ Dầu Một

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 và ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-HS ngày 09/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 36/2025/QĐST-HS ngày 26/5/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Minh D**, sinh ngày 23/7/2006. Tại: An Giang. CCCD số 089206000604; Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh L và bà Võ Thị Bích T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến nay; Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Quốc T1**, sinh ngày 12/5/2006. Tại Bình Dương. CCCD số 074206011587; Hộ khẩu thường trú: Số B, tổ B, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh H và bà Bùi Thị Cẩm T2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024, bị áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt

3. Họ và tên: **Võ Thanh D1**, sinh năm 2001. Tại: Bình Dương. CCCD số 074201003635; Hộ khẩu thường trú: 132/5 Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Tuấn D2 và bà Võ Thị Kim P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến nay; Có mặt.

4. Họ và tên: **Phạm Tấn P1**, sinh năm 2004. Tại: Bình Dương. CCCD Không; Hộ khẩu thường trú: Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 00/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H1 (Đã chết) và bà Lê Thị Bích C1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến nay; Có mặt.

5. Họ và tên: **Võ Quốc V**, sinh năm 2004. Tại: Bình Dương. CCCD số 074204006960; Hộ khẩu thường trú: Số A, đường L, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thám A và bà Võ Thị Bích T3; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 29/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can về hành vi Cố ý gây thương tích (do bị hại tự nguyện có đơn rút yêu cầu khởi tố). Ngày 30/01/2024, Công an huyện P ra Quyết định xử phạt hành chính đối với V, hình thức phạt số tiền 6.500.000 (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), đã nộp tiền phạt ngày 05/02/2024. *(Bút lục 834, 835)*; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến nay; Có mặt.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn T4**, sinh năm 2005. Tại: An Giang. CCCD số 089205004446; Hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Trình độ học vấn: 00/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim N; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/10/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 04 năm 03 tháng tù về các tội Cố ý gây thương tích và Gây rối trật tự công cộng, buộc phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 7.416.392 (bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, ba trăm chín mươi hai) đồng và phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến nay; Có mặt.

7. Họ và tên: **Nguyễn Anh V1**, sinh năm 2004. Tại: Bình Dương. CCCD số 074204005765; Hộ khẩu thường trú: D146A, đường N, khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành D3 và bà Vũ Thị Ngọc T5; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/10/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 04 năm 06 tháng tù về các tội Cố ý gây thương tích và Gây rối trật tự công cộng, buộc phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 7.416.392 (bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng) và phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến nay; Có mặt.

8. Họ và tên: **Cao Văn H2**, sinh ngày 14/11/2006. Tại: Bình Dương. CCCD số 074206000883; Hộ khẩu thường trú: Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở: Số A, đường N, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S và bà Cao Hồng H3; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03/10/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 03 năm 03 tháng tù về các tội Cố ý gây thương tích và Gây rối trật tự công cộng, buộc phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 7.416.392 (bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng) và phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2024 đến nay; Có mặt.

9. Họ và tên: **Trần Bảo C2**, sinh năm 2002. Tại: Bình Dương. CCCD số 074202000413; Hộ khẩu thường trú: Khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 01/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha không rõ danh tính và mẹ là bà Trần Thị Kim H4; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

10. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng A1**, sinh ngày 21/10/2006. Tại: Tiền Giang. CCCD số 082206007440; Hộ khẩu thường trú: Ấp K, Xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng K và bà Phạm Thị Bích P2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/7/2024 đến ngày 25/7/2024, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

11. Họ và tên: **Dương Phạm Quốc T13**, sinh ngày 18/5/2007. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. CCCD số 079207043140; Hộ khẩu thường trú: Số G, đường L, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú hiện nay: Số B L, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T6 (Đã chết) và bà Dương Thị Huỳnh H5; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay; Có mặt.

12. Họ và tên: **Phạm Nhật M1**, sinh ngày 06/7/2007. Tại: Bình Dương. CCCD số 074207009919; Hộ khẩu thường trú: Số B (số cũ 2/53), đường L, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu P3 và bà Nguyễn Thị Tuyết H6; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay; Có mặt.

13. Họ và tên: **Trần Xuân T7**, sinh ngày 03/7/2007. Tại: Bình Dương. CCCD số 074207004195; Hộ khẩu thường trú: Số A, đường T, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Xuân T8 và bà Trần Thị Tuyết N1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 26/9/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay; Có mặt.

14. Họ và tên: **Đỗ Thành L1**, sinh năm 2004. Tại: Bình Dương. CCCD số 074204001442; Hộ khẩu thường trú: Số F, đường N, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Phúc H7 và bà Đoàn Võ Tường V2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 26/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh cho tại ngoại; Có mặt.

15. Họ và tên: **Huỳnh Đức T9**, sinh ngày 06/3/2006. Tại: Bình Dương. CCCD số 082206000500; Hộ khẩu thường trú: Số F, đường C, khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Đức T10 và bà Quách Thị Lệ C3; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2024 đến ngày 26/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay; Có mặt.

16. Họ và tên: **Nguyễn Gia H8**, sinh năm 2001. Tại: Bình Dương. CCCD số 074201007782; Hộ khẩu thường trú: Số A, đường Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở: Hẻm B, đường T, tổ A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn T11 và bà Võ Thị T12; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/9/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay; Có mặt.

17. Họ và tên: **Phạm Khắc Q**, sinh ngày 22/4/2006. Tại: Bình Thuận. CCCD số 060206005295; Hộ khẩu thường trú: Tổ C, thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị D4; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 06/5/2025, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm tù. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 28/10/2024 đến nay; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh D*: Bà Nguyễn Hoàng Y – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. *Có mặt*

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân T7*: Bà Đinh Như Ý – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. *Có mặt*

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn H2*: Ông Cao Ngọc L2 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. *Có mặt*

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Nhật M1*: Bà Lê Thị N2 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. *Có mặt*

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Phạm Quốc T13*: Ông Nguyễn Tiến D5 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. *Có mặt*

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng A1*: Luật sư Nguyễn Phước L3 – Đoàn luật sư tỉnh B. *Có mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Dương Thị H5, sinh năm 1972, địa chỉ: Số B, đường L, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

+ Ông Phạm Hữu P3, sinh năm 1982, địa chỉ: Số B (số C), đường L, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Xuân T14; bà Phạm Thị H9 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*. Ông Trần Nguyễn Quân B *(có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc T1 và Lê Minh D có mối quan hệ là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Vào khoảng 21 giờ ngày 27/6/2024, trong lúc T1 đang ngồi uống nước tại quán cà phê không tên (đối diện Bệnh viện Đa khoa tỉnh B), trên đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương cùng Võ Quốc V, Trần Bảo C2, Nguyễn Anh V1, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1, Nguyễn Văn T4, Cao Văn H2 và H10 (hiện chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) thì Lê Minh D và bạn gái tên Trần Yến V3, sinh năm 2003, thường trú tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh cũng đến quán ngồi bàn khác để uống nước, được khoảng 15 phút thì D và V3 bỏ đi. Sau đó, D đến phường P, thành phố để gặp Quý Hào (hiện chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) và nói cho Quý H11 biết là T1 đòi đánh Quý Hào. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, D cùng V3 quay lại quán nước nêu trên thì lúc này Quý H11 nhắn tin cho T1 với nội dung: "Mày đòi xiên ai", T1 trả lời: "Ai nói mày?" và Quý H11 nhắn tin lại: "Dinh nói" nên T1 tức giận và cãi nhau với D rồi nhóm của T1 bỏ đi khỏi quán cà phê. Khi đến khu vực phía trước Bệnh viện Đa khoa tỉnh B, nhóm của T1 dừng lại, lúc này T1 nói: "Thằng D mất dạy quá, để coi nó có hẹn đấu hay không, nếu có hẹn thì chơi" (đấu có nghĩa huy động nhiều người, chuẩn bị sẵn sàng hung khí để đánh nhau) thì V, C2, V1, T13, M1, H2, T4 và H10 đều đồng ý. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 28/6/2024, T1 và D tiếp tục nhắn tin qua lại cãi nhau rồi hẹn nhau huy

động người để đi đánh nhau vào lúc 02 giờ ngày 29/6/2024 tại gần Trường Trung học phổ thông N4, địa chỉ tại số H, đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, T1 rủ thêm Phạm Tấn P1 thì P1 đồng ý và rủ thêm Võ Thanh D1 giúp T1 đi đánh nhau với nhóm của D.

Đến khoảng 16 giờ ngày 28/6/2024, Nguyễn Quốc T1 đi mua 03 thanh sắt rồi mang theo 01 đầu ba chỉa dài khoảng 60 cm, 01 con dao tự chế (loại dao bầu) dài khoảng 25 cm và 01 con dao chặt thịt (loại dao phay) dài khoảng 40 cm đem đến sân nhà của Cao Văn H2 tại số A, đường N, khu phố E, phường H để Nguyễn Anh V1 và Trần Bảo C2 hàn thành 03 cây hung khí dài khoảng 03 mét. Sau đó, V1 rủ Nguyễn Văn T4 đi mua giấy nhám về đưa cho C2 để mài bén 03 cây hung khí; đồng thời H2 lấy thêm 01 bao tải chứa dao tự chế để C2, V1 và T4 đem toàn bộ số hung khí này đến cất giấu tại các bụi cây ven đường hẻm vào nhà của V1, bên hông quán cà phê 78, địa chỉ tại số D, đường N, khu phố F, phường H. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày 28/6/2024, nhóm của T1 gồm Võ Quốc V, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1 và một số đối tượng (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) đi đến khu vực gần nhà thờ C4, địa chỉ tại số A, đường N phường H, thành phố T để gặp nhóm của C2, V1, Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, T4, H2 và một số đối tượng (hiện chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) hợp thành một nhóm khoảng 15 người. Sau đó, T1 kêu cả nhóm điều khiển xe máy chạy đến khu vực bờ suối gần Bệnh viện Đa khoa 1500 giường, tại phường Đ, thành phố T để chế tạo bom xăng. Lúc này, T1 đưa cho V1 số tiền 30.000 (ba mươi nghìn) đồng còn H7 đưa cho V1 số tiền 200.000 (hai trăm nghìn đồng) rồi kêu V1 và T4 đi mua xăng và chuẩn bị thêm vỏ chai bia; T4 và V1 đồng ý rồi T4 điều khiển xe mô tô chở V1 đi mua xăng tại Cửa hàng X, địa chỉ tại số H, đường Đ, phường C, thành phố T và chạy đến nhà H2 tại số A, đường N để lấy 02 thùng đựng vỏ chai bia. Sau khi mua xăng và lấy vỏ chai bia xong, T4 và Vũ quay lại khu vực bờ suối để gặp nhóm của T1. Tại đây, M1 dùng điện thoại mở đèn soi cho Thái chế xăng vào khoảng 12 vỏ chai bia rồi xé áo do V1 chuẩn bị ra thành những mảnh nhỏ để nhét vào miệng vỏ chai bia tạo thành bom xăng. Sau khi chuẩn bị bom xăng xong, nhóm của T1 điều khiển xe mô tô chở nhau chạy đến tập trung tại nhà của V1 để lấy hung khí rồi di chuyển đến công trường đang thi công tại Trường THPT N4. Tại đây, nhóm của T1 để xe mô tô trước công trường trên rồi đi bộ đến ngã ba C để chờ đánh nhau với nhóm của D nhưng khi đứng đợi được khoảng 05 phút thì T1 nghe trong nhóm có người nói "người ta báo công an!" nên cả nhóm lấy xe mô tô điều khiển chở nhau chạy về lại hướng nhà của V1. Lúc này, T1 gửi định vị nhà V1 cho D qua ứng dụng Messenger để hẹn D đến đánh nhau rồi nhóm của T1 chia ra hai nhóm, một nhóm mang theo thùng bia có chứa bom xăng tự chế, tập trung đứng ở đầu đường hẻm sát bên quán C5 để đợi nhóm của D đến, nhóm còn lại cầm sẵn hung khí đợi ở cuối đường hẻm để chờ phục kích nếu nhóm của D xông vào hẻm.

Về phía nhóm của Lê Minh D: Sau khi hẹn đánh nhau với Nguyễn Quốc T1 thì D rủ Nguyễn Đắc P4, sinh năm 2009, cư trú tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Phạm Khắc Q; Nguyễn Gia H8 đi giúp D đánh nhau và rủ thêm người thì tất cả đồng ý. Sau đó, H8 tiếp tục rủ thêm Đỗ Thành L1, còn Q

rủ thêm Trần Xuân T7, Nguyễn Hoàng A1 và đối tượng N3 (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch), còn N3 rủ thêm Huỳnh Đức T9 cùng một số đối tượng khác (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) tham gia cùng. Đến khoảng 23 giờ ngày 28/06/2024, D, H8, L1, T7, T9, Q, Hoàng A1, Phòng, N3 cùng khoảng 15 đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) tụ tập tại trước Miếu B1 thuộc phường P, thành phố T rồi di chuyển đến nhà của H8 tại hẻm S, đường T thuộc khu phố B, phường P để lấy hung khí gồm 08 cây ba chỉa tự chế bằng kim loại dài khoảng 02 mét và 02 cây rựa phân phát cho nhau. Sau đó, H8 cùng L1 đến ngã ba C trước để xem nhóm của T1 đến chưa nhưng không gặp. Khoảng 10 phút sau, nhóm của D chở nhau bằng xe mô tô cầm theo hung khí đi đến khu vực ngã ba C tìm nhóm của T1 để đánh nhau. Do T1 đổi điểm hẹn nên D dẫn cả nhóm di chuyển trên đường Đ rồi rẽ trái vào đường N thuộc phường H, thành phố T.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 29/6/2024, khi nhóm của D đi từ hướng nhà thờ C4 đến cách nơi T1 đứng (bên hông quán cà phê 78) khoảng 40 mét thì nhóm của D la lên: "nó kìa, chém nó!" thì nhóm của D hô hào chạy về phía T1. Thấy nhóm của D, T1 liền châm lửa đốt 03 chai bom xăng và ném về phía nhóm D nên nhóm của D tản ra rồi nhặt mảnh vỏ chai bia để ném lại phía Thái, một số đối tượng còn lại trong đó có D, T7, Phòng, N3 cầm hung khí rượt đuổi theo nhóm của T1. Lúc này, do thấy nhóm D quá đông nên nhóm của T1 vừa chống trả vừa bỏ chạy vào bên trong hẻm và núp vào trong bụi cây gần nhà của V1. Lúc này, nhóm của D thấy nhóm của T1 chạy vào khu vực tối, nhiều bụi cây và sợ bị phục kích nên D cùng đồng bọn bỏ đi khỏi hiện trường. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, khi thấy không còn ai bên nhóm của D nữa thì nhóm của T1 cũng bỏ về. Cùng ngày 29/6/2024, T1, D1, P1, V, T13, D, M1, T4, V1 và C2 ra đầu thú; đến ngày 03/07/2024 T7, L1 ra đầu thú; đến ngày 05/7/2024 H2 và T9 ra đầu thú; đến ngày 22/7/2024 Hoàng A1 ra đầu thú; đến ngày 26/8/2024 H8 ra đầu thú và đến ngày 28/10/2024 Q ra đầu thú và đều khai nhận với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu vàng, bị bể mặt lưng và nứt mặt kính màn hình, imei số: 357203097640436; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đỏ đen, bị hư màn hình, imei số: 354402102947223; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, bị nứt mặt kính màn hình, model số: M2006C3MNG và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh, bị nứt mặt kính và hư màn hình, imei số: 356347111642273. 01 cây kim loại màu trắng có đầu ba chỉa, dài 03 mét; 02 cây dao tự chế bằng kim loại, dài 80 cm và 02 cây dao tự chế bằng kim loại dài 1,5 mét. 01 vỏ chai bia màu xanh, phía trên đầu có nhét cuộn vải màu trắng. 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61B2-417.10 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển số 61B1-695.51.

Ngày 30/6/2024, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T có Công văn số 222/UBND về việc đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T xử lý hành vi có dấu hiệu phạm tội gây rối trật tự công cộng nêu trên; đồng thời, xác định vụ việc nêu trên đã gây ồn ào náo loạn, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân

và làm người dân bức xúc với thái độ hung hăng của các đối tượng, tạo ra dư luận xấu làm xôn xao xã hội. *(Bút lục 90)*

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61B2-417.10 là tài sản của bà Dương Thị Huỳnh H5, sinh năm 1972, cư trú tại Số B, đường L, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là mẹ ruột của D6 Phạm Quốc T13) cho T13 mượn để làm phương tiện đi lại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho bà H5 theo Quyết định số 2547 ngày 30/8/2024. *(Bút lục 806)*

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển số 61B1-695.51 là tài sản của ông Phạm Hữu P3, sinh năm 1982, cư trú tại số B (số cũ 2/53), đường L, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là cha ruột của Phạm Nhật M1) cho Minh mượn để làm phương tiện đi lại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho ông P3 theo Quyết định số 2542 ngày 30/8/2024. *(Bút lục 813)*

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu vàng, bị bể mặt lưng và nứt mặt kính màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đỏ đen, bị hư màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, bị nứt mặt kính màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh, bị nứt mặt kính và hư màn hình; 01 cây kim loại màu trắng có đầu ba chỉa, dài 03 mét; 02 cây dao tự chế bằng kim loại, dài 80 cm và 02 cây dao tự chế bằng kim loại dài 1,5 mét và 01 vỏ chai bia màu xanh, phía trên đầu có nhét cuộn vải màu trắng, quá trình điều tra xác định các bị can đã sử dụng các phương tiện, công cụ này để thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, tiêu huỷ.

* Cáo trạng số 65/CT-VKSTDM ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Minh D, Nguyễn Quốc T1, Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, Võ Quốc V, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh V1, Cao Văn H2, Trần Bảo C2, Nguyễn Hoàng A1, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1, Trần Xuân T7, Đỗ Thành L1, Huỳnh Đức T9, Phạm Khắc Q và Nguyễn Gia H8 về Tội gây rối trật tự công cộng, theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh D, Nguyễn Quốc T1, Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, Võ Quốc V, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh V1, Cao Văn H2, Trần Bảo C2, Nguyễn Hoàng A1, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1, Trần Xuân T7, Đỗ Thành L1, Huỳnh Đức T9, Phạm Khắc Q và Nguyễn Gia H8 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Lê Minh D mức hình phạt từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Võ Thanh D1 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phạm Tấn P1 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Võ Quốc V từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 224/2024/HS-ST ngày 03/10/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh V1 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 224/2024/HS-ST ngày 03/10/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần Bảo C2 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024.

9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm

2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Thành L1 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 26/9/2024.

10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H8 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/9/2024.

11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phạm Khắc Q từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 84/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Cao Văn H2 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 224/2024/HS-ST ngày 03/10/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

13. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A1 từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

14. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Dương Phạm Quốc T13 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

15. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức T9 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

16. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Phạm Nhật M1 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

17. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Trần Xuân T7 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu huỷ đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu vàng, bị bể mặt lưng và nứt mặt kính màn hình, imei số: 357203097640436; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đỏ đen, bị hư màn hình, imei số: 354402102947223; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, bị nứt mặt kính màn hình, model số: M2006C3MNG và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh, bị nứt mặt kính và hư màn hình, imei số: 356347111642273; 01 cây kim loại màu trắng có đầu ba chỉa, dài 03 mét; 02 cây dao tự chế bằng kim loại, dài 80 cm và 02 cây dao tự chế bằng kim loại dài 1,5 mét; 01 vỏ chai bia màu xanh, phía trên đầu có nhét cuộn vải màu trắng.

- *Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Lê Minh D có ý kiến như sau:* Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lê Minh D. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân như bị cáo bị bệnh động kinh, nhận thức pháp luật còn hạn chế, là người chưa thành niên để áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo.

- *Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân T7 có ý kiến như sau:* Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Trần Xuân T7. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân như bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tham gia với vai trò đồng phạm. Vì vậy, đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Cao Văn H2 có ý kiến như sau:* Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Cao Văn H2. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân như bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo, tham gia với vai trò đồng phạm. Vì vậy, đế nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo.

- *Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Phạm Nhật M1 có ý kiến như sau:* Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Phạm Nhật M1. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân như bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tham gia với vai trò đồng phạm. Vì vậy, đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Dương Phạm Quốc T13 có ý kiến như sau:* Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Dương Phạm Quốc T13. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân như bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tham gia với vai trò đồng phạm. Vì vậy, đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng A1 có ý kiến như sau:* Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A1. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân như bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tham gia với vai trò đồng phạm. Vì vậy, đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Trong nói lời sau cùng, các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Dương Thị Huỳnh H5, người làm chứng là ông Nguyễn Xuân T14, bà Phạm Thị H9 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bà H5, bà H9 và ông T14 đã có lời khai và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc

xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H5, bà H9 và ông T14 là phù hợp với quy định tại các Điều 292 và 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Đối với một số đối tượng nam thanh niên tham gia cùng nhóm của Lê Minh D và nhóm của Nguyễn Quốc T1. Quá trình điều tra các bị cáo đều khai là bạn bè ngoài xã hội và không biết rõ nhân thân, lai lịch của những đối tượng này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Lê Minh D và Nguyễn Quốc T1 nên Lê Minh D rủ thêm đồng phạm là Phạm Khắc Q, Nguyễn Hoàng A1, Trần Xuân T7, Nguyễn Gia H8, Đỗ Thành L1, Huỳnh Đức T9 và một số đối tượng khác (không rõ nhân thân, lai lịch) chuẩn bị hung khí là dao tự chế, cây ba chĩa để nhằm mục đích đánh nhau với nhóm của Nguyễn Quốc T1. Đối với Nguyễn Quốc T1 đã rủ các đồng phạm là Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, Võ Quốc V, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh V1, Cao Văn H2, Trần Bảo C2, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1 và một số đối tượng khác (không rõ nhân thân, lai lịch) chuẩn bị hung khí là dao tự chế và bom xăng để hẹn đánh nhau giải quyết mâu thuẫn với nhóm của Lê Minh D. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 29/6/2024, nhóm của D và nhóm của T1 dùng dao tự chế và bom xăng để đánh nhau tại khu vực trước quán cà phê 78, địa chỉ tại số D, đường N, khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tuy hành vi của các bị cáo không gây ra thương tích cho nhau nhưng đã làm người dân xung quanh hoang mang, lo sợ, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" được quy định tại đểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cộng đồng dân cư được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Trong vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[6.1] Đối với bị cáo Lê Minh D và Nguyễn Quốc T1 là những người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia việc gây rối trật tự công cộng, các bị cáo chủ động chuẩn bị công cụ để thực hiện hành vi phạm tội (bị cáo Lê Minh D mượn các hung khí như dao dựa, cây ba chỉa, bị cáo T1 chuẩn bị hung khí như cây phóng lợn, cây ba chỉa, dao và bom xăng). Vì vậy, hình phạt áp dụng đối với D và T1 phải nghiêm và cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Tuy nhiên, bị cáo Lê Minh D phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự và quy định tại Luật tư pháp người chưa thành niên khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo D.

[6.2] Đối với các bị cáo Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, Võ Quốc V, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh V1, Trần Bảo C2, Nguyễn Gia H8 và Phạm Khắc Q tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm tích cực, khi được D và T1 rủ rê, các bị cáo biết rõ là hai bên chuẩn bị hung khí để đánh nhau. Tuy nhiên các bị cáo vẫn đồng ý tham gia. Vì vậy, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cho các bị cáo có thời gian học tập, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người có ích cho xã hội.

[6.3] Đối với bị cáo Cao Văn H2, tham gia với vai trò đồng phạm tích cực, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, bị cáo H2 có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù về hành vi "Gây rối trật tự công cộng và Cố ý gây thương tích". Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật để từ đó tích cực học tập, cải tạo bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6.4] Đối với bị cáo Huỳnh Đức T9 và bị cáo Đỗ Thành L1, tham gia với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo không đáng kể và mang tính thụ động. Tại phiên toà, các bị cáo đều xác định Huỳnh Đức T9 và Đỗ Thành L1 không quen biết gì đối với Lê Minh D và Nguyễn Quốc T1, không biết trước việc nhóm của T1 và D chuẩn bị đánh nhau. Vì vậy, khi đối tượng tên N3 (không rõ nhân thân lai lịch) rủ T9 và Nguyễn Gia H8 rủ L1 đi công việc nên T9 và L1 đi theo. Bản thân bị cáo T9 và bị cáo L1 không cầm hung khí khi đi theo nhóm của các bị cáo. Do đó, đối với bị cáo Huỳnh Đức T9 và Đỗ Thành L1, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chấp, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6.5] Đối với các bị cáo Trần Xuân T7, Phạm Nhật M1, Dương Phạm Quốc T13 và Nguyễn Hoàng A1 phạm tội với vai trò đồng phạm, các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự và quy định tại Luật tư pháp người chưa thành niên khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà, các bị cáo Lê Minh D, Nguyễn Quốc T1, Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, Võ Quốc V, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh V1, Cao Văn H2, Trần Bảo C2, Nguyễn Hoàng A1, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1, Trần Xuân T7, Đỗ Thành L1, Huỳnh Đức T9, Phạm Khắc Q và Nguyễn Gia H8 đã tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. Riêng bị cáo Trần Bảo C2 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn là hộ nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[9] Xét thấy các bị cáo Huỳnh Đức T9, Đỗ Thành L1, Nguyễn Hoàng A1, Dương Phạm Quốc T13, Trần Xuân T7 và Phạm Nhật M1 không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tham gia với vai trò đồng phạm, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho các bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ cũng như vai trò từng bị cáo, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone Xs màu vàng bị bể mặt lưng và nút mặt kính màn hình, imei số: 357203097640436 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là tài sản của bị cáo Nguyễn Quốc T1 sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung J7 màu đỏ đen bị nứt mặt kính và hư màn hình, mặt lưng bị trầy nhiều, không kiểm tra được số imei (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là tài sản của bị cáo Võ Thanh D1 sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Redmi màu xanh bị nứt mặt kính và hư màn hình, model số: M2006C3MNG (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T4 không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu được nhận lại nên cần tịch thu tiêu huỷ;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh bị nứt mặt kính và hư màn hình, mặt lưng bị trầy, imei số:

356347111642273 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là tài sản của bị cáo Võ Quốc V sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ;

- Đối với 01 (một) cây kim loại màu trắng có đầu ba chỉa, dài khoảng 3,5 mét; 02 (hai) cây dao tự chế bằng kim loại, dài khoảng 80 cm; 02 (hai) cây dao tự chế bằng kim loại, dài khoảng 1,5 mét; 01 (một) vỏ chai bia màu xanh, phía trên đầu có nhét cuộn vải màu trắng là công cụ do các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 136, 260, 292, 293, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh D, Nguyễn Quốc T1, Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, Võ Quốc V, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh V1, Cao Văn H2, Trần Bảo C2, Nguyễn Hoàng A1, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1, Trần Xuân T7, Đỗ Thành L1, Huỳnh Đức T9, Phạm Khắc Q và Nguyễn Gia H8 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên:

Xử phạt bị cáo Lê Minh D mức hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Võ Thanh D1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn P1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

2.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Võ Quốc V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

2.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 02 (hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 224/2024/HS-ST ngày 03/10/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

2.7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh V1 02 (hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 224/2024/HS-ST ngày 03/10/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2024.

2.8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Bảo C2 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2024 đến ngày 26/9/2024.

2.9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H8 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/9/2024.

2.10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Khắc Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 84/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2024.

2.11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 55; Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên:

Xử phạt bị cáo Cao Văn H2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 224/2024/HS-ST ngày 03/10/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2024.

2.12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đỗ Thành L1 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (11/6/2025).

Giao bị cáo Đỗ Thành L1 về Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.13. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (11/6/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng A1 về Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.14. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Dương Phạm Quốc T13 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (11/6/2025).

Giao bị cáo Dương Phạm Quốc T13 về Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.15. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức T9 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (11/6/2025).

Giao bị cáo Huỳnh Đức T9 về Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.16. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Phạm Nhật M1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (11/6/2025).

Giao bị cáo Phạm Nhật M1 về Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.17. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) khoản 4 Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 122 và Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên:

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T7 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (11/6/2025).

Giao bị cáo Trần Xuân T7 về Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ đối với:

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone Xs màu vàng bị bể mặt lưng và nứt mặt kính màn hình, imei số: 357203097640436 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung J7 màu đỏ đen bị nứt mặt kính và hư màn hình, mặt lưng bị trầy nhiều, không kiểm tra được số imei (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Redmi màu xanh bị nứt mặt kính và hư màn hình, model số: M2006C3MNG (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh bị nứt mặt kính và hư màn hình, mặt lưng bị trầy, imei số: 356347111642273 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

- 01 (một) cây kim loại màu trắng có đầu ba chỉa, dài khoảng 3,5 mét; 02 (hai) cây dao tự chế bằng kim loại, dài khoảng 80 cm; 02 (hai) cây dao tự chế bằng kim loại, dài khoảng 1,5 mét; 01 (một) vỏ chai bia màu xanh, phía trên đầu có nhét cuộn vải màu trắng.

(*Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 063.25 ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một*)

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Minh D, Nguyễn Quốc T1, Võ Thanh D1, Phạm Tấn P1, Võ Quốc V, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh V1, Cao Văn H2, Trần Bảo C2, Nguyễn Hoàng A1, Dương Phạm Quốc T13, Phạm Nhật M1, Trần Xuân T7, Đỗ Thành L1, Huỳnh Đức T9, Phạm Khắc Q và Nguyễn Gia H8 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thiện